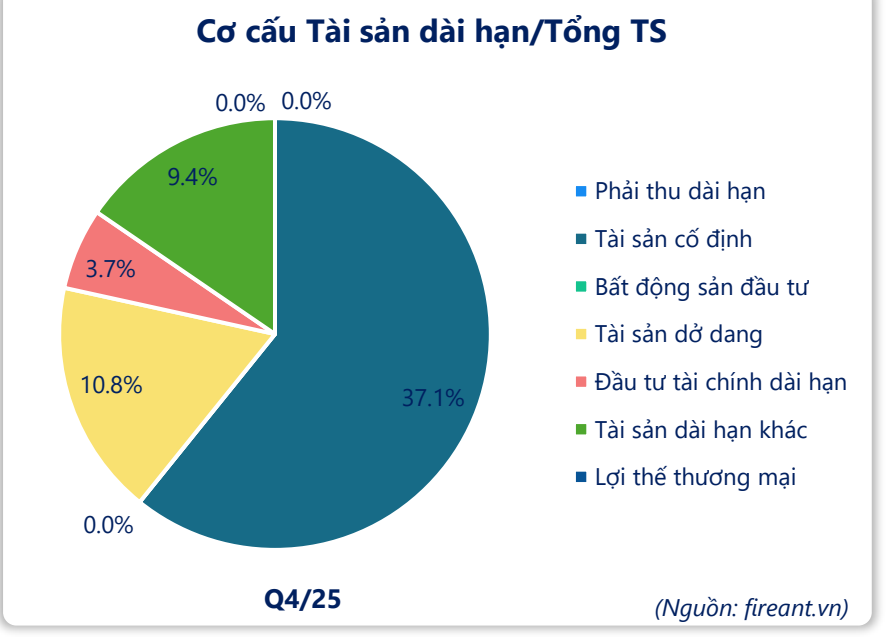
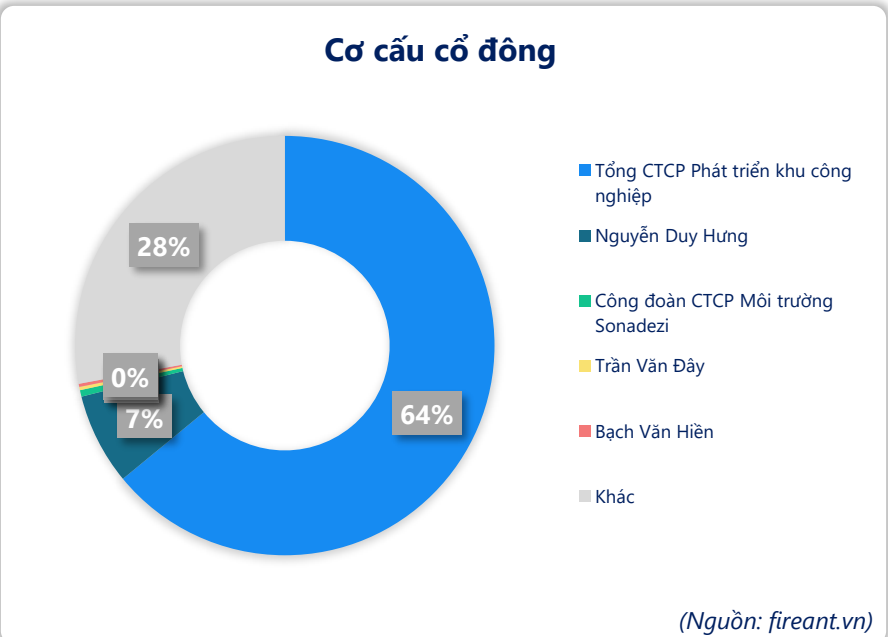
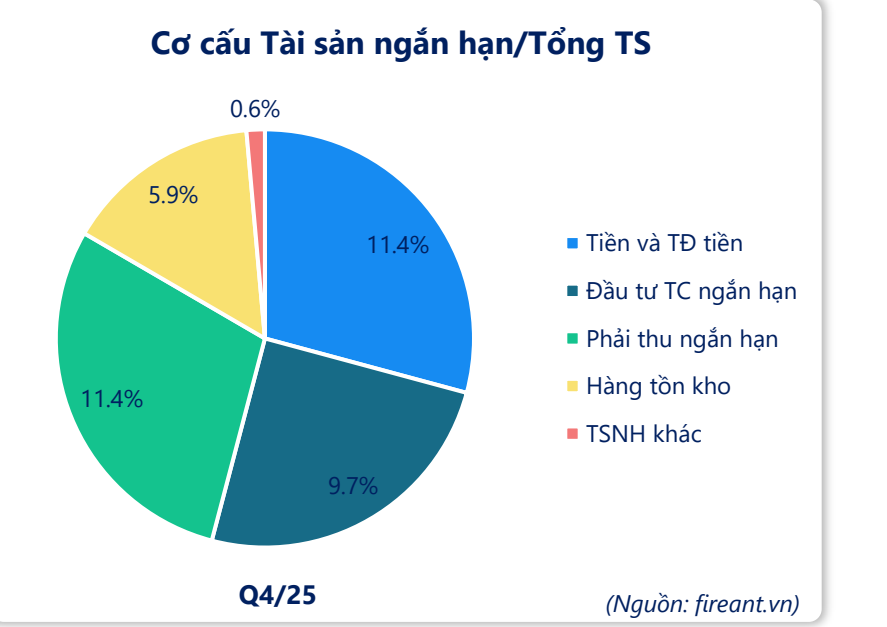
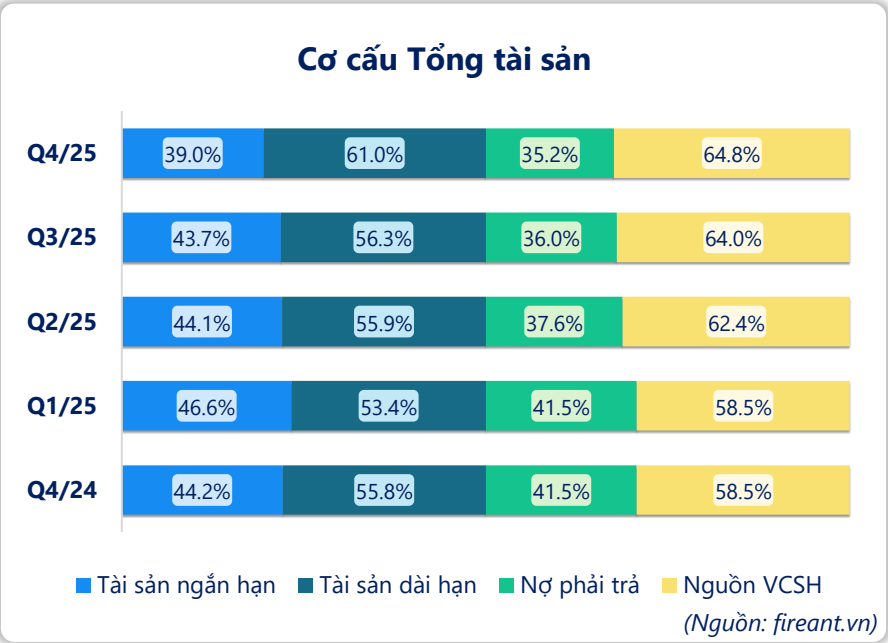
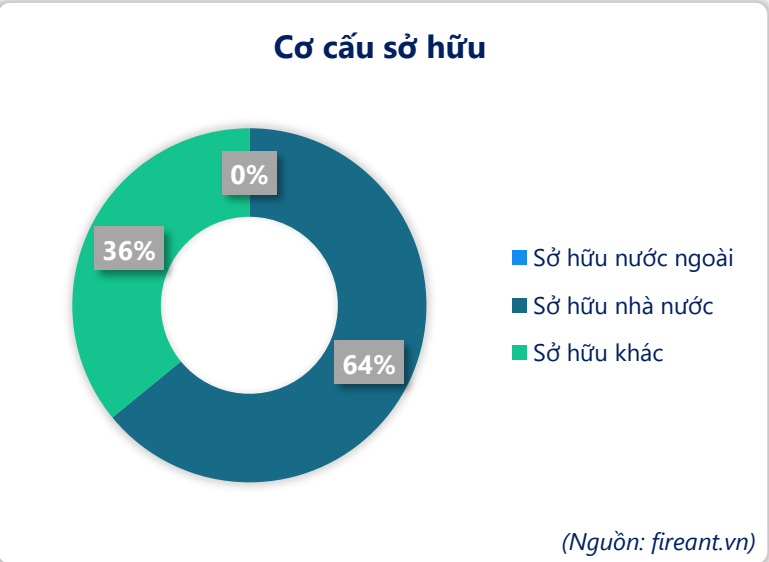
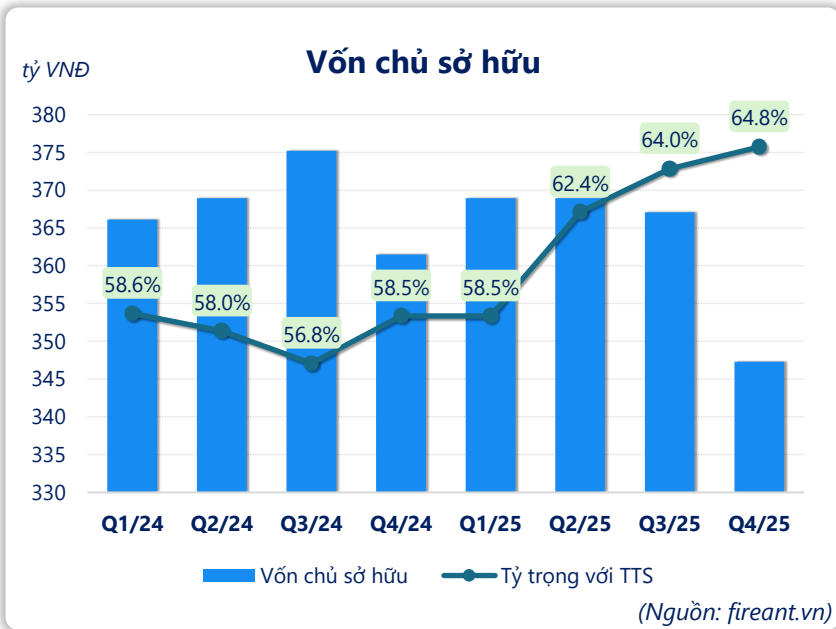
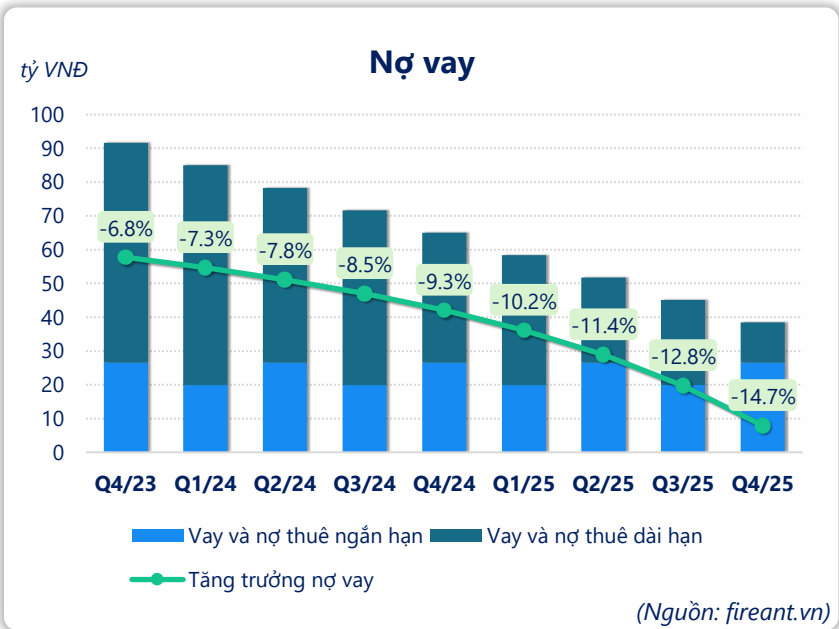
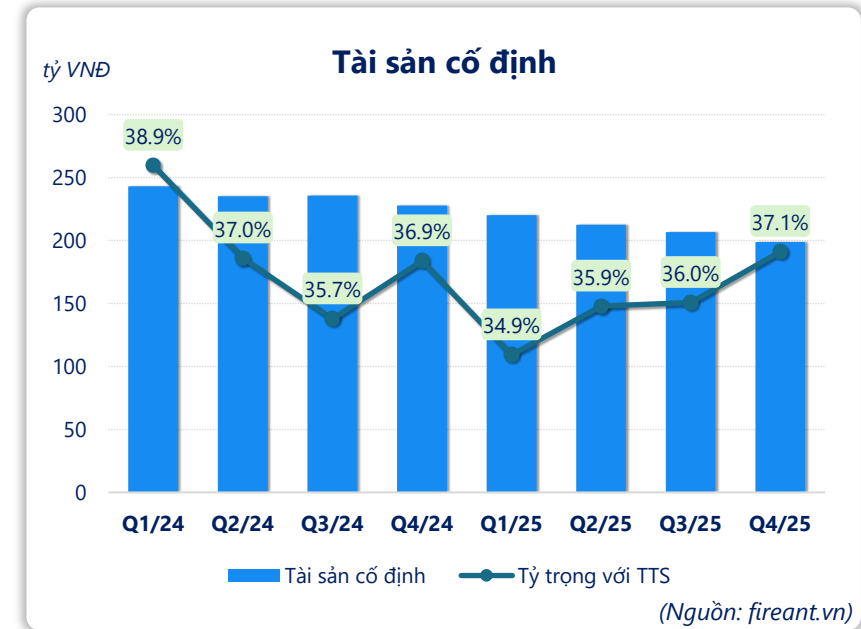
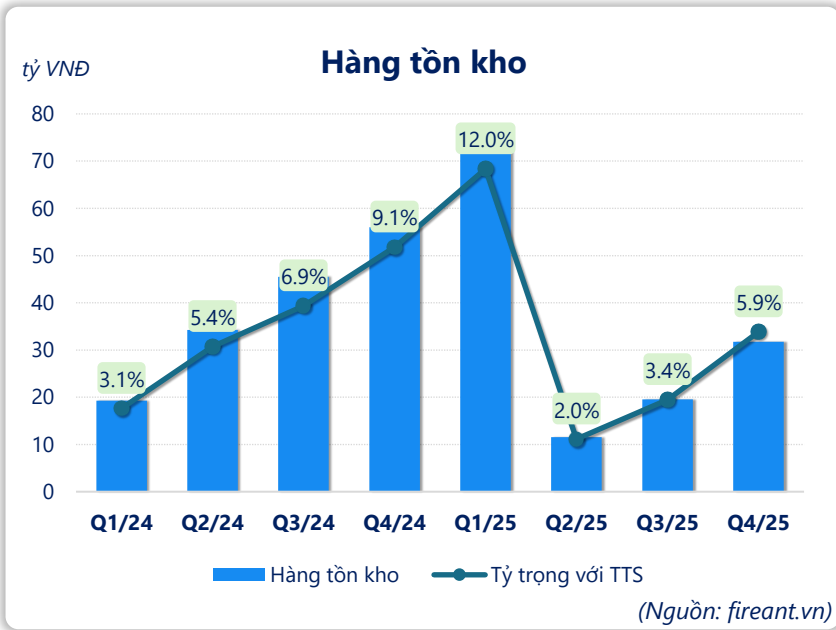
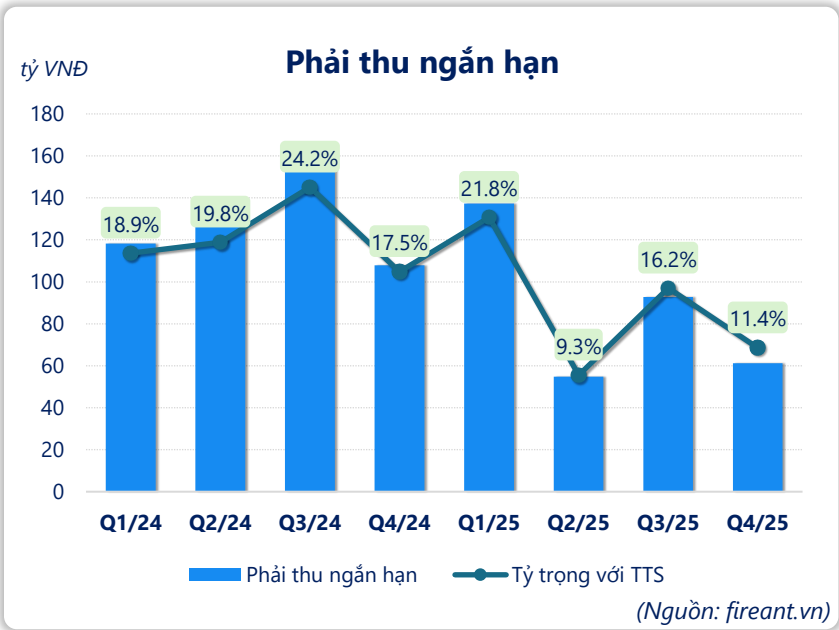
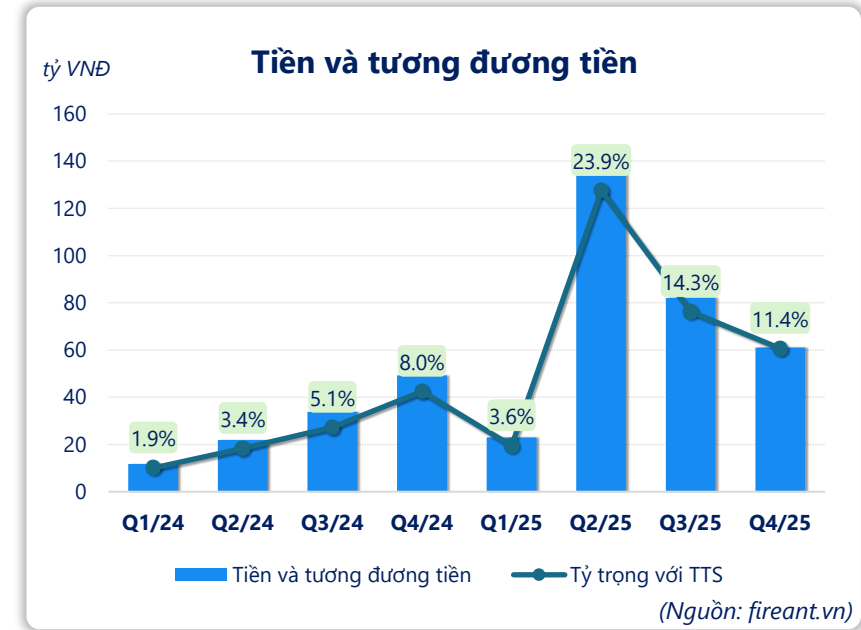
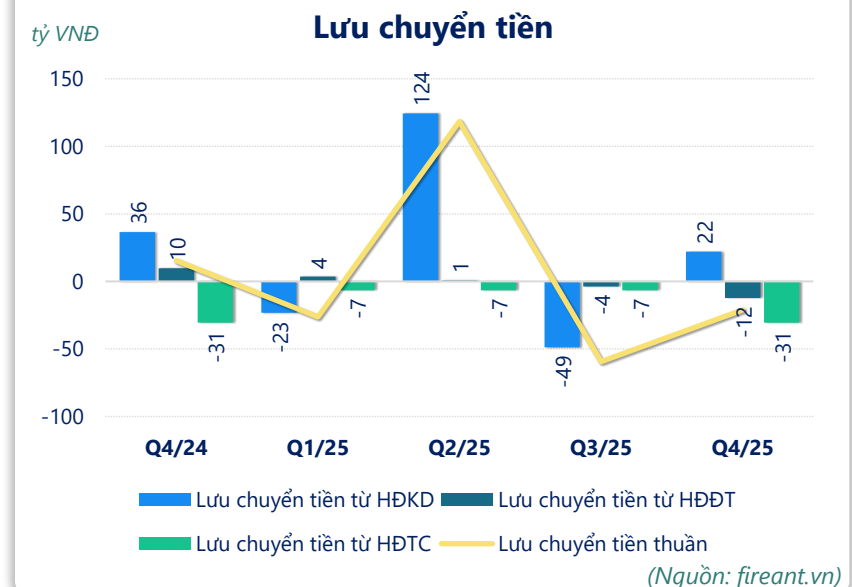
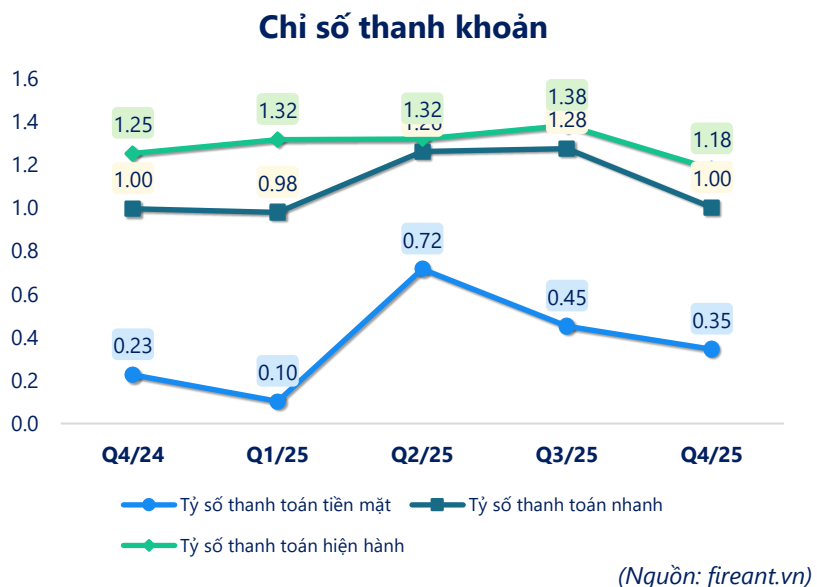
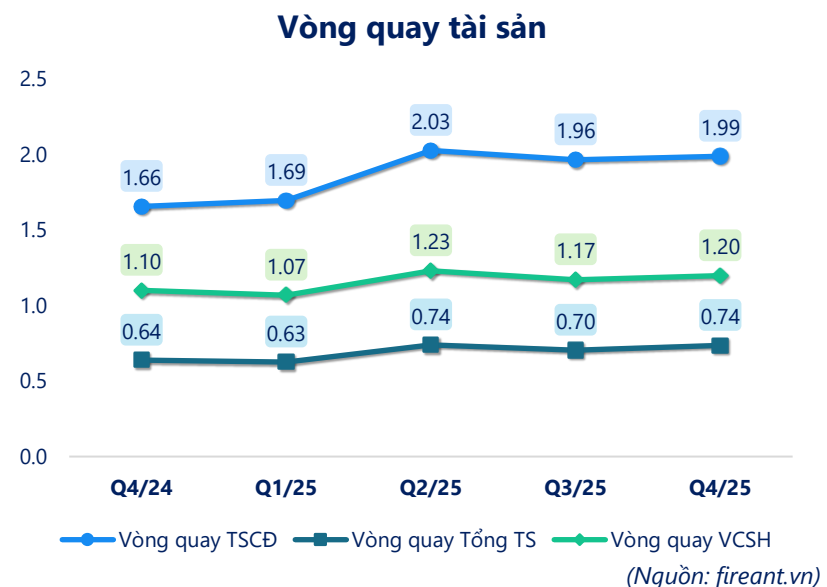
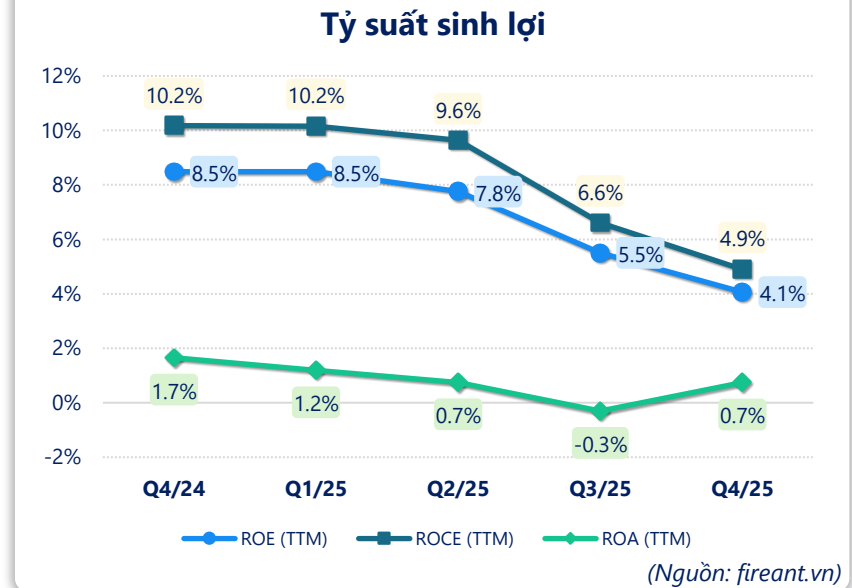
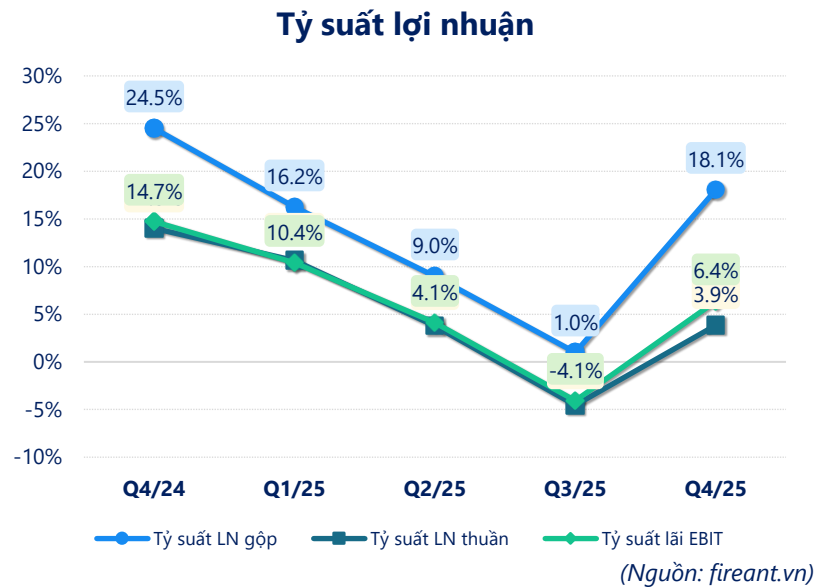
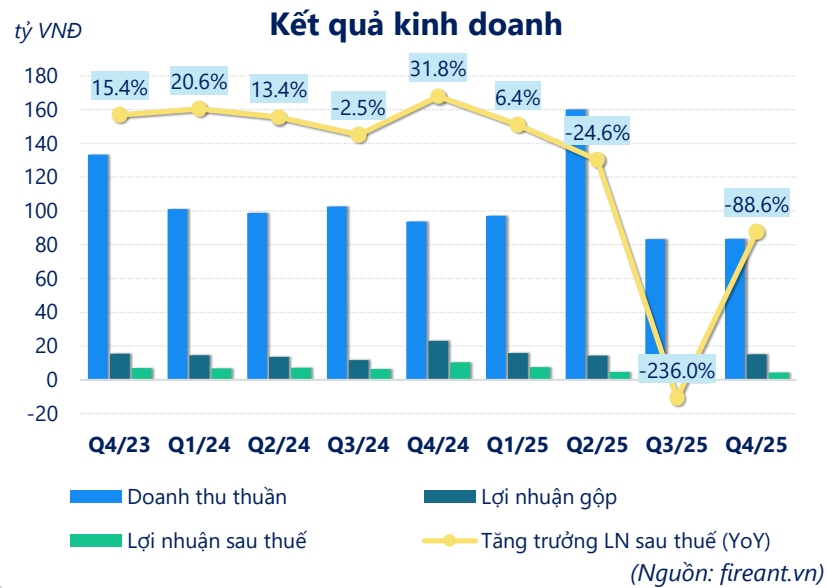


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,653
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,800
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,195
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		300
P/E		20.8
EPS		480

	YTD	1T	3T	6T
SZE	-9.9%	0.0%	-4.8%	-9.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	536	618	-13.2%
Tài sản ngắn hạn	209	273	-23.5%
Tiền và tương đương tiền	61.0	49.2	23.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	57.0	-8.8%
Phải thu ngắn hạn	61.2	108	-43.3%
Hàng tồn kho	31.7	56.0	-43.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.96	2.76	7.1%
Tài sản dài hạn	327	345	-5.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	199	228	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.7	57.6	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	7.50	167%
Tài sản dài hạn khác	50.5	51.7	-2.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	189	256	-26.3%
Nợ ngắn hạn	177	218	-18.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	26.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.1	44.9	-50.7%
Nợ dài hạn	11.9	38.5	-69.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.9	38.5	-69.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	347	362	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	347	362	-3.9%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	93.8	97.1	160	83.3	83.6
Giá vốn hàng bán	70.8	81.4	146	82.4	68.5
Lợi nhuận gộp	23.0	15.8	14.4	0.83	15.1
Doanh thu HĐTC	0.70	0.82	0.66	3.12	0.98
Chi phí TC	0.52	0.46	0.43	0.38	0.38
Chi phí lãi vay	0.52	0.46	0.43	0.38	0.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.0	5.79	8.57	7.35	12.5
LN thuần từ HĐKD	13.1	10.3	6.02	-3.78	3.23
Lợi nhuận khác	0.15	-0.69	0.12	0.02	1.72
LN trước thuế	13.3	9.63	6.14	-3.77	4.94
Lợi nhuận sau thuế	10.3	7.43	4.58	-1.87	4.25
LNST của CĐ cty mẹ	10.3	7.43	4.58	-1.87	4.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.4	-23.2	124	-48.9	21.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.68	3.65	0.78	-3.87	-12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.6	-6.65	-6.65	-6.65	-30.6
Tiền đầu kỳ	33.8	49.2	23.0	141	82.0
Lưu chuyển tiền thuần	15.4	-26.2	118	-59.4	-21.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.2	23.0	141	82.0	61.0

(Nguồn: fireant.vn)